

Merry Band of Vietnam War Era Retirees: Sự hình thành, sứ mệnh, các kết quả nghiên cứu và hoạt động nghiên cứu tiếp tục

Kenneth R. Olson¹

Giáo sư danh dự về Khoa học Đất, Khoa Tài nguyên Thiên nhiên và Khoa học Môi trường, Đại học Illinois, Urbana, Illinois, Hoa Kỳ.

<https://doi.org/10.66659/mcka1088>

DOI: <https://doi.org/10.66659/twqntp72>

Ngày xuất bản: 9 tháng 8 năm 2026

Tập 2, trang 88–102.

Trích dẫn: Olson Kenneth R. Merry Band of Vietnam War Era Retirees: Creation, Mission, Findings, and Continuing Research. Pollution and Diseases. 2026; Volume 2: 88–102. DOI: <https://doi.org/10.66659/twqntp72>

Tóm tắt

Bài tổng quan này xem xét quá trình hình thành và vai trò khoa học đang tiếp tục của Merry Band of Vietnam War Era Retirees, một nhóm nghiên cứu độc lập được thành lập nhằm nghiên cứu những hậu quả đối với môi trường và sức khỏe con người do việc sử dụng các chất diệt cỏ chiến thuật trong Chiến tranh Việt Nam và Chiến tranh Đông Dương lần thứ hai.

Trong khi việc sử dụng và tác động của Agent Orange và dioxin TCDD đã được ghi nhận tương đối đầy đủ, thì trong nhiều thập kỷ, việc sản xuất, vận chuyển, sử dụng và số phận môi trường của các chất diệt cỏ chiến thuật khác, trong đó có Agent Blue chứa asen (asen), lại nhận được ít sự chú ý hơn đáng kể.

Danh mục nghiên cứu được xem xét trong bài này bao gồm 27 bài báo khoa học đã qua phản biện và ba cuốn sách, được thực hiện thông qua sự hợp tác giữa các cựu binh Chiến tranh Việt Nam, các cựu quân nhân thuộc thời kỳ Chiến tranh Việt Nam, các nhà khoa học về đất và nông nghiệp, các chuyên gia y tế, chuyên gia truyền thông và những cộng tác viên khác.

Các nghiên cứu đã khảo sát những cảnh quan chịu tác động của chiến tranh hóa học tại Việt Nam, Lào, Campuchia, Thái Lan, Khu vực Kênh đào Panama, Hoa Kỳ và Canada, đặc biệt chú trọng đến đất và trầm tích bị ô nhiễm, các hệ thống nước ngọt, các cơ sở sản xuất công nghiệp, sự phơi nhiễm của quân nhân và dân thường, sản xuất lương thực, cũng như sự tồn lưu lâu dài của dioxin TCDD và asen trong môi trường.

Bài viết mô tả quá trình hình thành của nhóm, những khó khăn gặp phải khi nghiên cứu các tài liệu nhạy cảm về chính trị và trong một số trường hợp từng được xếp loại

mật, cũng như vai trò của việc kiểm chứng thông tin, chuyên môn liên ngành, xuất bản truy cập mở và nguồn tài trợ độc lập.

Mặc dù giai đoạn tổ chức đầu tiên của chương trình nghiên cứu Merry Band đã hoàn thành, mạng lưới khoa học và nhiều câu hỏi nghiên cứu được hình thành trong quá trình này vẫn tiếp tục được phát triển.

Việc các nhà nghiên cứu liên quan đến danh mục công trình này tham gia hội nghị quốc tế War, Soil, and Freshwater Systems năm 2026 tại Praha cho thấy sự chuyển đổi từ việc nghiên cứu hồi cứu các hậu quả trong quá khứ sang một chương trình nghiên cứu tiếp tục rộng hơn, tập trung vào dự báo, phòng ngừa, phục hồi và các hậu quả môi trường của những cuộc xung đột trong quá khứ, hiện tại và tương lai.

Từ khóa

Chiến tranh hóa học; Rainbow Agents (nhóm chất diệt cỏ chiến thuật); đất; Merry Band of Vietnam War Era Retirees; sinh thái chính trị; ô nhiễm môi trường liên quan đến chiến tranh; mạng lưới nghiên cứu tiếp tục.

Những điểm chính

1. Merry Band of Vietnam War Era Retirees đã phát triển một mô hình nghiên cứu liên ngành độc lập khác thường, kết hợp kiến thức của các cựu binh, khoa học đất và nước, bằng chứng lưu trữ, chuyên môn y khoa, kiểm chứng thông tin và xuất bản truy cập mở.

2. 27 bài báo khoa học đã qua phản biện và ba cuốn sách của nhóm đã mở rộng phạm vi nghiên cứu về các chất diệt cỏ chiến thuật thời kỳ Chiến tranh Việt Nam vượt ra ngoài Agent Orange, bao gồm Agent Blue, asen, các cơ sở sản xuất công nghiệp, tuyến vận chuyển, căn cứ quân sự, các hệ thống nước ngọt, cũng như sự phơi nhiễm của cả dân thường và quân nhân.

3. Sự độc lập đối với các cơ chế tài trợ truyền thống của các tổ chức và chương trình nghiên cứu đã mang lại cho nhóm mức độ tự do đặc biệt trong việc nghiên cứu các vấn đề nhạy cảm về chính trị, đồng thời làm tăng yêu cầu về kiểm chứng thông tin nghiêm ngặt và đánh giá liên ngành.

4. Giai đoạn tổ chức đầu tiên của Merry Band đã hoàn thành, nhưng mạng lưới nghiên cứu, các mối quan hệ hợp tác và các câu hỏi khoa học được hình thành trong dự án vẫn tiếp tục hoạt động.

5. Việc các nhà nghiên cứu liên quan đến danh mục công trình này tham gia hội nghị Praha năm 2026 cho thấy sự chuyển dịch từ việc tái dựng hồi cứu tình trạng ô nhiễm thời kỳ Chiến tranh Việt Nam sang đánh giá dự báo nguy cơ sức khỏe môi trường, phục hồi sau xung đột, phòng ngừa và nghiên cứu các hậu quả môi trường của chiến tranh đương đại.

1.0 Giới thiệu

Tôi được một cựu binh Chiến tranh Việt Nam mời trình bày nghiên cứu của mình về các đường hầm trong đất tại Củ Chi và Tam giác Sắt, cùng với công trình đồng tác

giả liên quan (1), tại sự kiện lưu động Replica Vietnam War Wall of Healing, được tổ chức từ ngày 25 đến ngày 28 tháng 10 năm 2018 tại Paducah, bang Kentucky.

Sau khi nhận được sự ghi nhận trong khuôn khổ Chương trình Tưởng niệm Chiến tranh Việt Nam của Bộ Quốc phòng Hoa Kỳ, tôi đã gặp những người khác cũng được vinh danh, trong đó có một cựu chuyên gia tâm lý của Bộ Cựu chiến binh Hoa Kỳ, người đang điều trị rối loạn căng thẳng sau sang chấn cho các cựu binh từng trực tiếp phục vụ tại miền Nam Việt Nam.

Ông đề nghị tôi cân nhắc mở rộng nghiên cứu để bao gồm Agent Orange và dioxin TCDD.

Năm 2019, tôi mở rộng chủ đề nghiên cứu và công bố bài báo đồng tác giả đầu tiên của mình về vấn đề này (2), về số phận lâu dài của đất và trầm tích bị ô nhiễm Agent Orange và dioxin TCDD tại các điểm nóng ở Việt Nam, trên Open Journal of Soil Science.

Sau đó, tôi đề nghị cơ quan nơi tôi từng công tác, College of ACES, Department of NRES thuộc University of Illinois, phát hành một thông cáo báo chí về nghiên cứu này, và cơ quan đã thực hiện.

Điều khiến tôi bất ngờ là thông cáo của ACES sau đó được hơn 200 trang truyền thông đăng tải lại.

Theo số liệu thống kê của OJSS và ResearchGate, bài báo năm 2019 sau đó đã đạt hơn 60.000 lượt xem, đọc hoặc tải xuống và được trích dẫn hơn 60 lần.

Bài báo cũng tạo ra những phản ứng phê bình mạnh mẽ từ một cựu phát ngôn viên của Bộ Quốc phòng Hoa Kỳ về Agent Orange và từ các nguồn ẩn danh; chất lượng nghiên cứu của tôi cũng bị đặt câu hỏi.

Tại thời điểm đó, tôi quyết định rằng những nghiên cứu tiếp theo cần có một nhóm quốc tế rộng hơn nhằm củng cố độ tin cậy, kiểm chứng dữ kiện, biên tập, đồng tác giả và xem xét các công trình trước khi công bố.

Đó chính là tiền đề hình thành Merry Band of Vietnam War Era Retirees.

Ủy ban này bao gồm các cựu binh Chiến tranh Việt Nam, các cựu quân nhân thuộc thời kỳ Chiến tranh Việt Nam, các cựu quân nhân Lục quân Hoa Kỳ, các giáo sư thuộc các trường đại học nông nghiệp và, khi cần thiết, các cố vấn trong lĩnh vực y tế, truyền thông và pháp lý.

Sứ mệnh của nhóm chúng tôi là tiến hành nghiên cứu khoa học về đất, nước, nông nghiệp và quản lý tài nguyên thiên nhiên; tổng hợp và phân tích các tài liệu hiện tại và lịch sử cũng như bằng chứng khoa học liên quan đến di sản của chiến tranh, đặc biệt là Chiến tranh Việt Nam và Chiến tranh Đông Dương lần thứ hai; đồng thời chuẩn bị các bài báo khoa học đã qua phản biện có giá trị đối với quân nhân, cựu chiến binh, gia đình họ, dân thường bị ảnh hưởng, các nhà khoa học và công chúng.

Các di sản môi trường của chiến tranh vượt xa phạm vi những cựu binh trực tiếp chiến đấu tại tiền tuyến.

Những đối tượng bị ảnh hưởng bao gồm cả nhân viên dân sự và quân sự từng sản xuất, vận chuyển, xử lý hoặc tiếp xúc với các chất diệt cỏ chiến thuật, máy bay bị nhiễm bẩn và các thiết bị khác, cũng như những người hiện vẫn đang sinh sống và làm việc trên những vùng đất và quanh các nguồn nước chịu ảnh hưởng của dư lượng dioxin TCDD và asen.

Bản cập nhật nghiên cứu này tập trung vào hai phương diện có liên quan với nhau.

Thứ nhất, bài viết tổng quan 30 công trình được thực hiện trong khuôn khổ chương trình nghiên cứu Merry Band về các chất diệt cỏ chiến thuật, đất, hệ thống nước ngọt, cảnh quan quân sự và sự phơi nhiễm của con người trong và sau Chiến tranh Việt Nam cũng như Chiến tranh Đông Dương lần thứ hai.

Thứ hai, bài viết xem xét quá trình hợp tác tập thể đặc biệt mà qua đó toàn bộ khối lượng nghiên cứu này được hình thành bởi một ủy ban không chính thức gồm những người nghỉ hưu thuộc thời kỳ Chiến tranh Việt Nam và các cộng tác viên khoa học.

Việc tổng hợp từng bài báo thành một chuyên khảo toàn diện nằm ngoài phạm vi của bài viết này. Thay vào đó, bài tổng quan cung cấp một bản tóm lược về toàn bộ danh mục nghiên cứu và mô tả mô hình hoạt động của nhóm.

Điều quan trọng cần nhấn mạnh là danh mục này không chỉ gồm một hoặc hai bài báo, mà bao gồm 27 bài báo khoa học đã qua phản biện và ba cuốn sách, với tổng dung lượng hơn 900 trang tạp chí khoa học và hơn 1.200 trang sách.

Xét tổng thể, các nghiên cứu đã khảo sát sinh thái chính trị của chiến tranh hóa học thông qua việc đánh giá lại tác động đối với đất và nước, tái dựng quá trình sử dụng và di chuyển của các chất diệt cỏ chiến thuật, đồng thời ghi nhận những vấn đề môi trường và sức khỏe con người vẫn tiếp diễn bằng các bản đồ, hình ảnh, phỏng vấn, hồ sơ quân sự, tài liệu lưu trữ và các công trình khoa học.

Phạm vi địa lý của các nghiên cứu bao gồm Việt Nam, Hoa Kỳ, Panama, Lào, Canada, Thái Lan và Campuchia.

Sáng kiến này được phát triển phần lớn mà không nhận tài trợ từ quân đội Hoa Kỳ, các cơ quan chính phủ, các tổ chức phi lợi nhuận, trường đại học hoặc các tổ chức truyền thông.

Phần lớn chi phí nghiên cứu và xuất bản truy cập mở do chính các thành viên trong mạng lưới tự tài trợ.

Danh mục nghiên cứu theo dõi các chất diệt cỏ chiến thuật từ giai đoạn phát triển khoa học và sản xuất công nghiệp, qua quá trình vận chuyển và sử dụng quân sự, cho đến ô nhiễm lâu dài và các hoạt động khắc phục hậu quả.

Các nghiên cứu cũng kết nối các cảnh quan chiến tranh tại Đông Nam Á với các địa điểm sản xuất công nghiệp ở Hoa Kỳ và Canada, nhấn mạnh rằng lịch sử môi trường của các chất diệt cỏ chiến thuật không chỉ giới hạn trong các chiến trường mà còn mở rộng đến các cộng đồng dân sự.

Với quy mô của toàn bộ các công trình này, mục tiêu đầu tiên của bài viết tổng kết là giải thích chương trình nghiên cứu Merry Band đã được hình thành, tổ chức, kiểm chứng thông tin, tài trợ và xuất bản như thế nào.

Mục tiêu thứ hai là xem xét những gì đã diễn ra sau khi chương trình nghiên cứu ban đầu đạt đến giai đoạn trưởng thành.

Mặc dù nhóm được thành lập xoay quanh những di sản môi trường của Chiến tranh Việt Nam và Chiến tranh Đông Dương lần thứ hai, một số nhà nghiên cứu của nhóm vẫn tiếp tục áp dụng những kiến thức, phương pháp và câu hỏi khoa học được phát triển từ công trình này vào các vấn đề hiện nay của khoa học môi trường quân sự, trong đó có những vấn đề đang được thảo luận tại hội nghị War, Soil, and Freshwater Systems năm 2026 ở Praha.

2.0 Hành trình và những phát hiện

Tôi nhập ngũ vào Lục quân Hoa Kỳ trong thời hạn ba năm vào tháng 11 năm 1969.

Tôi muốn trở thành sĩ quan, nhưng sau khi hoàn thành huấn luyện cơ bản và Huấn luyện Cá nhân Nâng cao, tôi phải chờ thêm sáu tháng mới có chỗ trống tại Trường Ứng viên Sĩ quan ở Fort Benning, bang Georgia.

Tôi hoàn thành huấn luyện cơ bản tại Fort Dix, bang New Jersey, và AIT tại Fort Sill, bang Oklahoma, nơi tôi được đào tạo về điều khiển hỏa lực pháo binh.

Sau khi từ bỏ tư cách ứng viên OCS, tôi tiếp tục phục vụ với tư cách binh sĩ và được điều đến Fort Knox, làm nhân viên đánh máy và nhân viên phụ trách yêu cầu vật tư trong Bộ phận Tiếp vận.

Theo những gì tôi còn nhớ, đơn vị của chúng tôi có thể đặt mua các vật tư cần thiết cho Fort Knox, bao gồm đạn dược sử dụng tại trường bắn, cũng như thuốc trừ sâu và thuốc diệt cỏ dùng tại khuôn viên và vành đai căn cứ, trong đó có 2,4,5-T từ Danh mục Vật tư Liên bang.

Vào thời điểm đó, tôi ủng hộ nhiệm vụ chính thức của Hoa Kỳ tại Việt Nam và nếu nhận được lệnh, tôi sẵn sàng đến miền Nam Việt Nam.

Nhiều quân nhân trong đơn vị của tôi trước đó đã từng phục vụ tại Việt Nam và đã bị bắn, bị thương hoặc bị phun hóa chất trong thời gian làm nhiệm vụ.

Một số người tin rằng chất được phun là malathion dùng để kiểm soát muỗi chứ không phải các chất diệt cỏ mà sau này được xác định có liên quan đến phơi nhiễm dioxin TCDD và/hoặc asen.

Trong thời gian chiến tranh, tôi không trực tiếp đặt chân xuống miền Nam Việt Nam.

Những hố cá nhân duy nhất mà tôi từng đào là trên nền đất cát tại Fort Dix.

Kỹ năng quân sự tôi sử dụng thường xuyên nhất trong các nhiệm vụ của mình là đánh máy. Là một người đã tốt nghiệp đại học và biết sử dụng máy đánh chữ, tôi thường được lựa chọn làm công việc văn phòng thay vì làm nhiệm vụ trong đơn vị xe tăng hoặc pháo binh.

Nhiều thập kỷ sau, nghiên cứu của tôi về các đường hầm trong đất tại Củ Chi và Tam giác Sắt (1) thu hút sự quan tâm của các đồng nghiệp và cơ quan nơi tôi từng làm việc. Cơ quan này sau đó đã phát hành một thông cáo báo chí của ACES về nghiên cứu.

Tuy nhiên, trong chuyến thăm khu vực Củ Chi năm 2016, tôi còn bắt đầu quan tâm đến một câu hỏi khác: tại sao những cây cối trong khu vực từng được gọi là “Garden Spot of Vietnam” lại có vẻ còn rất trẻ và thân cây tương đối mảnh?

Quan sát đó đã dẫn tôi đến một vấn đề nghiên cứu khác: những tác động môi trường lâu dài của các chất diệt cỏ chiến thuật từng được sử dụng để làm rụng lá thực vật và làm lộ các hệ thống đường hầm.

Cơ quan nơi tôi từng làm việc không tiếp tục phát hành các thông cáo báo chí ACES cho những nghiên cứu sau đó của tôi về chiến tranh và đất.

Sau khi nghỉ hưu vào năm 2014, chuyến đi năm 2016 của tôi tới các cảnh quan sông Sài Gòn và sông Mekong được thực hiện bằng kinh phí cá nhân; tôi không nhận được hỗ trợ từ cơ quan hoặc các khoản tài trợ nghiên cứu cho công việc này.

Cơ quan nơi tôi từng làm việc vẫn duy trì những mối quan hệ lớn với các cơ quan liên bang và các nhà tài trợ thuộc khu vực tư nhân, trong khi nghiên cứu của riêng tôi ngày càng đi sâu vào những vấn đề nhạy cảm về chính trị liên quan đến chiến tranh, đất, nước ngọt và ô nhiễm hóa học.

Việc nghỉ hưu đã thay đổi hoàn toàn hoàn cảnh thực tế.

Không còn công việc hay các khoản tài trợ có nguy cơ bị mất, tôi có thể theo đuổi những phát hiện của mình đến bất cứ nơi nào mà bằng chứng dẫn tới.

Và tôi đã làm như vậy.

Sau khi hoàn thành thời gian phục vụ tại ngũ trong Lục quân Hoa Kỳ từ năm 1969 đến năm 1971, tôi tham gia Lực lượng Dự bị Lục quân Hoa Kỳ từ năm 1971 đến năm 1973.

Tôi trở thành hạ sĩ quan phụ trách tiếp vận tại một đơn vị Dự bị Lục quân ở Cleveland, bang Ohio, và sau đó đơn vị chúng tôi tham gia khóa huấn luyện mùa hè tại Fort Knox vào năm 1972.

Sau khi trở về Ohio, tôi làm việc cho Sở Tài nguyên Thiên nhiên bang Ohio với tư cách là nhà khoa học đất trong Chương trình Khảo sát Đất Hợp tác Quốc gia và quyết định theo học bằng Thạc sĩ Nông học, chuyên ngành đất.

Vào thời điểm đó, dựa trên những câu chuyện tôi nghe từ các quân nhân trở về từ Fort Knox, tôi hiểu rằng quân đội đang sử dụng những chất diệt cỏ nông nghiệp được coi là vô hại tại Việt Nam.

Khi đó, tôi xem thời gian phục vụ quân đội tại ngũ của mình như một sự “gián đoạn” đối với sự nghiệp dân sự.

Tuy nhiên, tôi đã nhận được hỗ trợ theo chương trình GI Bill cho một phần chương trình học thạc sĩ của mình từ năm 1973 đến năm 1976.

Lĩnh vực nghiên cứu của tôi — Nông học và Khoa học Đất — vẫn không thay đổi.

Sau khi tôi công bố bài báo về Agent Orange (2) vào năm 2019 với tư cách một nhà nghiên cứu đã nghỉ hưu, thông cáo báo chí của trường đại học và các phiên bản được những người khác biên soạn lại đã được nhiều phương tiện truyền thông đăng tải và tiếp cận một lượng độc giả quốc tế lớn.

Vì lúc đó tôi không còn làm việc với tư cách giáo sư đại học và cũng không còn các khoản tài trợ nghiên cứu đang hoạt động gắn với công trình này, tôi có nhiều tự do hơn để tiến hành và công bố nghiên cứu về những tác động của Chiến tranh Việt Nam đối với môi trường, đất và hệ thống nước ngọt.

Tôi vẫn tiếp tục gửi các bài báo khoa học và sách đã xuất bản cho cơ quan nơi tôi từng làm việc như một phép lịch sự trong quan hệ nghề nghiệp.

Tôi cũng nghiêm túc tiếp nhận lời khuyên rằng các công trình cần được kiểm chứng kỹ lưỡng trước khi công bố và chấp nhận trách nhiệm cá nhân đối với các kết luận cũng như những phê bình mà chúng có thể tạo ra.

Bài báo năm 2019 cho đến nay vẫn tiếp tục nhận được sự quan tâm đáng kể của độc giả.

Tôi trở thành thành viên của ResearchGate, điều này giúp bài báo về Agent Orange (2) dễ dàng tiếp cận độc giả ở nhiều quốc gia hơn.

Đồng thời, tôi nhận ra rằng mình cần một mạng lưới truyền thông và liên lạc độc lập, bởi cơ quan nơi tôi từng làm việc không tài trợ hoặc hỗ trợ chương trình nghiên cứu về chiến tranh và đất.

Hoạt động truyền thông của Merry Band trong một thời gian do Mike Tharp phụ trách. Ông là một phóng viên chiến trường giàu kinh nghiệm, từng làm phóng viên hiện trường đi cùng lực lượng quân sự và từng viết cho nhiều tờ báo quốc tế lớn.

Sau đó, Tharp qua đời.

Các thành viên trong nhóm từ lâu đã lo ngại về lịch sử phơi nhiễm trong chiến tranh mà ông từng kể lại, trong đó có khả năng phơi nhiễm dioxin TCDD và asen gần khu vực vành đai của Căn cứ Không quân Biên Hòa.

Các thông cáo báo chí được công bố sau đó đã góp phần đưa các công trình của nhóm đến với độc giả tại Đông Nam Á và Việt Nam.

Cuối cùng, tôi đi đến nhận thức rằng Agent Orange và Agent Blue không thể chỉ được xem như những chất diệt cỏ nông nghiệp thông thường được sử dụng trong một bối cảnh bất thường.

Agent Orange chứa 2,4,5-T bị nhiễm dioxin TCDD, trong khi Agent Blue có thành phần chính là axit cacodylic và asen.

Việc sử dụng chúng trong quân sự vượt xa mục đích đơn thuần là làm rụng lá.

Agent Blue còn được sử dụng để phá hủy lúa và các loại cây lương thực khác trong các chương trình nhằm cắt nguồn lương thực.

Tôi đã viết nhiều bài báo về vấn đề này, trong đó có các công trình số (5), (7), (9), (17), (24) và (27) trong danh mục nghiên cứu được trình bày bên dưới.

Sau khi nghỉ hưu vào năm 2014, tôi ngày càng có xu hướng lựa chọn những tạp chí cho phép đủ không gian để trình bày đầy đủ hồ sơ lịch sử, môi trường và địa lý.

Một số tạp chí của các hội khoa học áp dụng giới hạn khá chặt đối với độ dài của các bài chuyên đề. Ngược lại, Open Journal of Soil Science cho phép đăng các bài dài hơn đáng kể, với nhiều bản đồ và hình ảnh.

Điều này đặc biệt quan trọng bởi các nghiên cứu về chiến tranh và đất thường đòi hỏi phải tái dựng những chuỗi sự kiện kéo dài theo thời gian, xem xét nhiều địa điểm khác nhau và sử dụng lượng lớn tư liệu trực quan.

Phí xuất bản truy cập mở được quy định cố định, thay vì tăng theo độ dài bài viết hoặc số lượng hình minh họa màu.

Việc tự tài trợ cho 27 bài báo truy cập mở về chiến tranh và đất cùng ba cuốn sách, bên cạnh chi phí đồ họa và các chuyến đi thực địa, là một khoản đầu tư đáng kể.

OJSS cũng có độc giả quốc tế và một ban biên tập gồm các thành viên đến từ nhiều quốc gia.

Sau này, tôi đảm nhận trách nhiệm trong ban biên tập của cả OJSS và Pollution and Diseases, đồng thời trở thành Associate Editor của Pollution and Diseases.

Các kết quả nghiên cứu về chiến tranh và đất đã được công bố trong 27 bài báo khoa học và ba cuốn sách (1–30).

Tôi trình bày những bằng chứng mà tôi và các đồng tác giả tìm thấy, kể cả những phát hiện đôi khi khác với các tuyên bố chính thức của Chính phủ Hoa Kỳ, và để độc giả tự đánh giá hồ sơ tư liệu đã được ghi nhận.

Năm 2019, không lâu sau khi bài báo về Agent Orange (2) được công bố, tôi nhận được một số email ẩn danh chỉ trích công trình này.

Một thư đặt câu hỏi về chất lượng học thuật của nghiên cứu và cảnh báo rằng công trình có thể tạo ra phản ứng mạnh từ các cơ quan chính phủ và những cá nhân từng tham gia vào các cuộc tranh luận chính sách trước đây về Agent Orange.

Tôi dự đoán nghiên cứu sẽ phải đối mặt với nhiều thách thức, trong đó có phê bình trong quá trình phản biện, yêu cầu sửa chữa hoặc rút bài, cũng như những câu hỏi về động cơ nghiên cứu của tôi.

Bởi tôi đã nhập ngũ trong thời kỳ Chiến tranh Việt Nam và vào thời điểm đó ủng hộ nhiệm vụ quân sự của Hoa Kỳ, tôi đặc biệt lo ngại rằng sự phê bình đối với chính sách của chính phủ có thể bị diễn giải như một biểu hiện thiếu lòng yêu nước.

Mối lo ngại đó trở thành một trong những lý do khiến tôi xây dựng một nhóm phản biện bao gồm cả cựu binh lẫn các nhà khoa học.

Vì vậy, tôi thành lập Merry Band of Vietnam War Era Retirees để kiểm chứng thông tin và xem xét các công trình trước khi công bố.

Tôi cần những thành viên có kiến thức và kinh nghiệm, có thể đóng góp vào nghiên cứu, viết bài, diễn giải lịch sử và phổ biến kết quả.

Các cựu binh từng trực tiếp phục vụ tại miền Nam Việt Nam có vai trò đặc biệt quan trọng, bởi họ có thể đánh giá các chi tiết quân sự, thuật ngữ và hoàn cảnh phơi nhiễm nằm ngoài kinh nghiệm trực tiếp của tôi.

Nhóm cũng tạo ra một cộng đồng rộng hơn, trong đó những kết quả khó hoặc gây tranh luận có thể được kiểm nghiệm trước khi đưa ra công bố.

Mục đích của nhóm không phải là xác định trước kết luận, mà là củng cố cơ sở thực chứng của những nghiên cứu có thể hỗ trợ cựu binh, gia đình họ và những dân thường chịu ảnh hưởng bất lợi bởi phơi nhiễm dioxin TCDD hoặc asen.

Tôi đã viết riêng một bài báo về quá trình các chất diệt cỏ nông nghiệp trở thành vũ khí hóa học. Bài này nằm trong danh mục đính kèm với số (7).

Tôi cũng đề cập đến vấn đề này trong các công trình số (4) và (8) của danh mục.

Các nhà máy hóa chất nói trên từng được sử dụng để sản xuất các chất diệt cỏ này sau khi Chiến tranh thế giới thứ hai kết thúc.

Sau đó, các đồng nghiệp tại Đại học Cần Thơ ở Đồng bằng sông Mekong, những người đã đọc các bài viết về Agent Orange và Agent Blue, khuyến khích tôi nộp hồ sơ xin chương trình Fulbright Specialist.

Tôi được lựa chọn và đã dành năm tuần tại Việt Nam trong tháng 9 và tháng 10 năm 2022, giảng bài về Agent Orange và Agent Blue, đồng thời thực hiện nghiên cứu liên quan đến asen có nguồn gốc tự nhiên và nhân sinh trong đất và nước ngầm ở Đồng bằng sông Mekong (10, 12).

Chương trình Fulbright chi trả các chi phí của chuyến đi.

Chuyến thăm cũng giúp tôi tiếp cận các đồng nghiệp, sinh viên, địa điểm nghiên cứu thực địa và nguồn tài liệu lưu trữ tại Cần Thơ và Thành phố Hồ Chí Minh.

Chương trình này, do Bộ Ngoại giao Hoa Kỳ tài trợ, đã chính thức phê duyệt chuyến thăm, qua đó mang lại sự chấp thuận rõ ràng ở cấp liên bang cho chuyến nghiên cứu.

Sau những chỉ trích ban đầu đối với bài báo về Agent Orange (2), Merry Band dần phát triển thành một ủy ban mà ở giai đoạn đầu bao gồm bốn cựu giáo sư thuộc các trường đại học nông nghiệp, hai cựu quân nhân thuộc thời kỳ Chiến tranh Việt Nam và sáu cựu binh Chiến tranh Việt Nam từng trực tiếp phục vụ tại miền Nam Việt Nam.

Khi cần thiết, nhóm còn huy động sự tham gia với tư cách cố vấn không thường trực của hai bác sĩ, một chuyên gia truyền thông và một cựu luật sư.

Thành phần của nhóm được chủ ý xây dựng theo hướng liên ngành, bởi không một chuyên môn riêng lẻ nào có thể đáp ứng đầy đủ các câu hỏi lịch sử, khoa học, quân sự, y tế, pháp lý và truyền thông nảy sinh từ chương trình nghiên cứu.

Trong giai đoạn 2018–2026, mạng lưới đã tạo ra 27 bài báo khoa học đã qua phản biện và ba cuốn sách hoặc sách điện tử (1–30).

Các nghiên cứu về Agent Blue cũng được đọc và thảo luận ngoài phạm vi của nhóm, trong đó có các nhà nghiên cứu y khoa quan tâm đến vấn đề phơi nhiễm của cựu binh.

Ý nghĩa của sự tiếp nhận này từ bên ngoài là đáng chú ý, tuy nhiên mọi khẳng định chính thức về những thay đổi trong chính sách lâm sàng hoặc chính sách của Bộ Cựu chiến binh Hoa Kỳ cần phải được chứng minh bằng các tài liệu hành chính tương ứng khi những bằng chứng như vậy có sẵn.

Công trình của nhóm đã tạo ra tranh luận và những thách thức kéo dài trong nhiều năm.

Với tư cách trưởng nhóm, tôi thường là người trả lời các câu hỏi và chỉ trích liên quan đến các công trình đã công bố.

Các tổ chức của cựu quân nhân thời kỳ Chiến tranh Việt Nam và các cựu binh cá nhân cũng cung cấp lời khuyên và sự hỗ trợ.

Tôi thường xuyên gửi các công trình đã công bố cho những người chỉ trích và các cựu chuyên gia chính phủ để họ xem xét và đưa ra nhận xét, trong đó có cả những cá nhân hoàn toàn không đồng ý với cách diễn giải của chúng tôi.

Đôi khi, họ công bố các cách diễn giải thay thế hoặc đăng những bình luận phê bình.

Đây là một phần của môi trường tranh luận mà trong đó chương trình nghiên cứu được phát triển, đồng thời càng nhấn mạnh sự cần thiết phải phân biệt giữa bất đồng cá nhân và bằng chứng có thể kiểm chứng.

Danh mục các công trình của nhóm cùng với các liên kết truy cập mở được trình bày ở phần dưới.

Danh tính thành viên của Merry Band không chính thức vẫn được giữ kín.

Theo thời gian, có tổng cộng 16 thành viên đang hoạt động và thành viên cố vấn ex officio tham gia; một số người sau đó qua đời, từ nhiệm hoặc chuyển sang trạng thái không hoạt động.

Tôi quyết định chấm dứt cơ cấu ủy ban chính thức sau khi giai đoạn đầu tiên của sứ mệnh được hoàn thành vào cuối năm 2025.

Điều này không có nghĩa là mạng lưới khoa học chấm dứt hoạt động.

Trong năm 2026, các thành viên và cộng tác viên vẫn tiếp tục tham gia nghiên cứu, xuất bản, công việc lưu trữ và chuẩn bị cho hội nghị.

Giai đoạn đầu tiên đã tạo ra 27 bài báo về chiến tranh và đất, tiếp theo là các cuốn sách về đường hầm trong đất (28), Agent Orange (29) và Agent Blue (30).

Trong suốt thời gian hoạt động của ủy ban, tôi cũng đã viết gần 300 bản tin qua email để cập nhật thông tin cho các thành viên.

Tôi đã công bố hai bài báo (4, 8) về các tác động môi trường và sức khỏe con người liên quan đến các cơ sở sản xuất Agent Orange tại Hoa Kỳ và Canada.

Tôi đã liên hệ với các biên tập viên báo chí địa phương để chia sẻ những kết quả này, nhưng ban đầu các công trình hầu như không nhận được sự chú ý của truyền thông địa phương.

Sau đó, một số phóng viên đã tiếp tục điều tra một số địa điểm.

Kinh nghiệm này củng cố một vấn đề lặp đi lặp lại trong toàn bộ dự án: việc công bố khoa học và sự công nhận của công chúng không nhất thiết xảy ra đồng thời.

Một trong những giai đoạn xuất bản khó khăn nhất liên quan đến bài báo của chúng tôi về Cuộc chiến bí mật tại Lào (21).

Sau khi công bố, bài báo đã phải trải qua một vòng xem xét bổ sung, và một số phần liên quan đến tác động đối với sức khỏe con người đã bị loại khỏi phiên bản sửa đổi.

Sau đó, tôi quay lại các câu hỏi về sức khỏe trong một bản thảo tiếp theo (22) về bom chùm, vật liệu chưa nổ, phun chất diệt cỏ, sức khỏe con người và các tác động môi trường, sử dụng thêm các nguồn tài liệu trích dẫn.

Trong suốt dự án, nguyên tắc làm việc của chúng tôi là chỉ công bố những thông tin có thể được chứng minh bằng các nguồn tài liệu có thể trích dẫn trong hồ sơ công khai.

Sau khi hoàn thành giai đoạn 1 — các bài báo khoa học — và giai đoạn 2 — các cuốn sách — của chuỗi nghiên cứu về chiến tranh và đất, tôi mở rộng chương trình nghiên cứu Great Rivers of the World sang các hệ thống sông chịu ảnh hưởng của xung đột Nga–Ukraine và Israel–Arab.

Điều này đưa đến một loạt vấn đề thực tiễn và đạo đức mới.

Các đồng tác giả tiềm năng đang sinh sống trong hoặc gần những khu vực chiến sự hiện tại đôi khi rút khỏi nghiên cứu do lo ngại về an toàn cá nhân hoặc gia đình, tính nhạy cảm chính trị, hoặc bất đồng về phạm vi của bài báo.

Công việc liên quan đến các hệ thống sông Tigris–Euphrates và Dnieper cho thấy các nhà khoa học quốc tế có thể gặp khó khăn lớn như thế nào khi tham gia công khai vào nghiên cứu liên quan đến các cuộc xung đột đang diễn ra.

Những trải nghiệm này cũng góp phần chuyển hướng chương trình nghiên cứu từ một dự án lịch sử tập trung chủ yếu vào Việt Nam sang những câu hỏi rộng hơn về khoa học môi trường trong và sau chiến tranh.

3.0 Kết quả và thành tựu

Dưới đây là một số thành tựu quan trọng nhất của sáng kiến nghiên cứu Merry Band of Vietnam War Era Retirees cho đến thời điểm hiện tại (31).

(1) Nhóm đã góp phần đưa Agent Blue, acid cacodylic và asen vào phạm vi thảo luận rộng hơn trong cộng đồng các gia đình cựu quân nhân thời kỳ Chiến tranh Việt Nam, đồng thời mở rộng sự hiện diện của những chủ đề này trong các tài liệu khoa học về chất diệt cỏ chiến thuật và phơi nhiễm môi trường lâu dài.

(2) Các bài báo truy cập mở về Agent Blue đã được các bác sĩ lâm sàng và các nhà nghiên cứu y khoa quan tâm đến tình trạng phơi nhiễm của cựu binh đọc và sử dụng, trong đó có các nhà nghiên cứu liên quan đến Walter Reed.

Các nghiên cứu y khoa sau đó đã sử dụng các trường hợp của cựu binh để xem xét những vấn đề liên quan đến Agent Blue.

Theo các thông tin mà nhóm nhận được, các nghiên cứu này cũng góp phần thúc đẩy thảo luận về việc xét nghiệm phơi nhiễm asen và dioxin đối với các cựu quân nhân thời kỳ Chiến tranh Việt Nam trong hệ thống của Bộ Cựu chiến binh Hoa Kỳ.

Tuy nhiên, bất kỳ khẳng định nào về một sự thay đổi chính sách chính thức trên phạm vi toàn quốc đều cần được chứng minh bằng các chỉ thị hành chính tương ứng trong hồ sơ công bố cuối cùng.

(3) Các đồng nghiệp tại Đại học Cần Thơ đã khuyến khích tôi nộp hồ sơ tham gia chương trình Fulbright Specialist để giảng dạy và tiến hành nghiên cứu tại Việt Nam.

Tôi được lựa chọn và đã dành năm tuần tại Cần Thơ và Thành phố Hồ Chí Minh trong tháng 9 và tháng 10 năm 2022, nghiên cứu về Agent Orange, Agent Blue, cũng như các nguồn asen tự nhiên và do con người tạo ra trong đất và nước ngầm ở Đồng bằng sông Mekong (12).

Chương trình Fulbright tài trợ cho chuyến đi này, qua đó mở rộng mạng lưới nghiên cứu và tăng cường trao đổi khoa học trực tiếp với các đồng nghiệp và sinh viên Việt Nam.

(4) Các bài báo của nhóm đã được trình bày trong khuôn khổ những hoạt động liên quan đến lưu trữ và kỷ niệm Chiến tranh Việt Nam tại Vietnam Center and Sam Johnson Vietnam Archive, Texas Tech University, Lubbock, Texas.

Các bản ấn phẩm có chữ ký đã được lưu giữ và số hóa để các nhà sử học và nhà nghiên cứu trong tương lai có thể sử dụng lâu dài.

(5) Sau giai đoạn nghiên cứu ban đầu tại Việt Nam, dự án được mở rộng sang Lào, Thái Lan và Campuchia, bao gồm cả những hậu quả môi trường của các thành phần bí mật hoặc ít được ghi chép hơn của Chiến tranh Đông Dương lần thứ hai.

Bốn công trình trong danh mục nghiên cứu — (18), (19), (21) và (22) — đề cập đến những vấn đề khu vực rộng hơn này.

(6) Nhóm cũng hợp tác với các cộng đồng cựu binh Panama và công bố ba bài báo — (6), (15) và (16) — nghiên cứu việc sử dụng thuốc trừ sâu và chất diệt cỏ tại Khu vực Kênh đào Panama, bao gồm những vấn đề liên quan đến 2,4,5-T, dioxin TCDD và asen trên các khu vực căn cứ quân sự trước đây và dọc theo vành đai căn cứ.

3.1 Danh mục nghiên cứu của Merry Band of Vietnam War Era Retirees (2017–2026)

(1) Tại sao các đường hầm trong đất ở Củ Chi và Tam giác Sắt tại Việt Nam lại có độ bền vững cao như vậy?

Olson, K.R. and L. W. Morton. 2017. Open Journal of Soil Science 7: 34–51.
<https://doi.org/10.4236/ojss.2017.72003>

(2) Số phận lâu dài của đất và trầm tích bị ô nhiễm bởi Agent Orange và dioxin TCDD tại các điểm nóng ở Việt Nam.

Olson, K.R. and Morton, L.W. (2019). Open Journal of Soil Science, 9, 1–34.
<https://doi.org/10.4236/ojss.2019.91001>

(3) Tổng quan và phân tích: Việc sử dụng thành công các đường hầm trong đất trong chiến tranh thời trung cổ, chiến tranh hiện đại và hoạt động buôn lậu.

Olson, K.R. and Speidel, D.R. (2020). Open Journal of Soil Science, 10(5): 194–215.

<https://doi.org/10.4236/ojss.2020.105010>

(4) Bằng cách nào sông Passaic, một địa điểm thuộc chương trình Superfund gần Newark, New Jersey, trở thành điểm nóng ô nhiễm dioxin TCDD liên quan đến Agent Orange?

Olson, K.R. and Tharp, M. (2020). The Journal of Soil and Water Conservation, 75, 33A–37A.

<https://doi.org/10.2489/jswc.75.2.33A>

(5) Số phận của Agent Blue, chất diệt lúa chứa asen được sử dụng tại miền Nam Việt Nam trước và trong Chiến tranh Việt Nam.

Olson KR, Cihacek L. (2020). Open Journal of Soil Science. 2020;10:518–577.

<https://doi.org/10.4236/ojss.2020.1011027>

(6) Tác động môi trường lâu dài của việc sử dụng thuốc trừ sâu và chất diệt cỏ tại Khu vực Kênh đào Panama.

Olson, K.R. and D. Tornøe. 2021. Open Journal of Soil Science 11(9): 403–434.

<https://doi.org/10.4236/ojss.2021.119021>

(7) Các chất diệt cỏ nông nghiệp của Hoa Kỳ đã trở thành vũ khí hóa học quân sự và môi trường như thế nào: Những tác động lịch sử và tồn lưu.

Olson, K.R. and Cihacek, L. (2022). Open Journal of Soil Science 12(1): 13–81.

<https://doi.org/10.4236/ojss.2022.122002>

(8) Các địa điểm nhà máy hóa chất sản xuất Agent Orange tại Hoa Kỳ và Canada: Tác động đối với môi trường và sức khỏe con người.

Olson, K.R. and Speidel, D.R. (2022). Open Journal of Soil Science 12(7): 363–426.

<https://doi.org/10.4236/ojss.2022.128016>

(9) Việc phun Agent Blue tại Đồng bằng sông Mekong trong Chiến tranh Việt Nam: Số phận của vũ khí diệt cỏ chứa asen được sử dụng để phá hủy cây lúa và rừng ngập mặn.

Olson KR, Cihacek L. (2022). Open Journal of Soil Science. 2022;12:253–294.

<https://doi.org/10.4236/ojss.2022.127012>

(10) Đồng bằng sông Mekong tại Việt Nam và Campuchia đang bị sụt lún và cần được phục hồi.

Olson, K.R. (2022). Open Journal of Soil Science, 12, 171–192.

<https://doi.org/10.4236/ojss.2022.125007>

(11) Sự tồn lưu của dioxin TCDD trong môi trường đất và nước ở miền Nam Việt Nam và các con đường phơi nhiễm của người mẹ có khả năng liên quan đến tỷ lệ mắc bệnh tim bẩm sinh tại Việt Nam.

Morton, L.W. and Culbertson, C. (2022). Open Journal of Soil Science, 12, 119–150.

<https://doi.org/10.4236/ojss.2022.124005>

(12) Các nguồn arsen tự nhiên và do hoạt động của con người trong nước ngầm và đất ở Đồng bằng sông Mekong.

Olson, K.R. and Chau, K.M. (2022). Open Journal of Soil Science, 12, 541–570.

<https://doi.org/10.4236/ojss.2022.1211023>

(13) Tỷ lệ trẻ sinh ra mắc bệnh tim bẩm sinh gia tăng được ghi nhận tại miền Trung Việt Nam và dư lượng dioxin TCDD từ việc sử dụng chất diệt cỏ 2,4,5-T (Agent Orange) tại khu vực Đà Nẵng.

Giang, H., Hai, T.T., Nguyen, H., Vuong, T.K., Morton, L.W. and Culbertson, C.B. (2022).

<https://doi.org/10.1371/journal.pgph.0001050>

(14) Thung lũng sông Sài Gòn: Tuyến đường của giao thông thủy, thương mại, giảm thiểu tác động, xâm lược, giải phóng và thống nhất.

Olson, K.R. (2023). Open Journal of Soil Science, 13, 46–82.

<https://doi.org/10.4236/ojss.2023.132003>

(15) Tổng quan và phân tích: Hoa Kỳ có vận chuyển, dỡ xuống và sử dụng các chất diệt cỏ thương mại 2,4,5-T có chứa lượng dioxin TCDD không xác định trên khuôn viên các căn cứ quân sự tại Khu vực Kênh đào Panama trong giai đoạn 1948–1999 hay không?

Olson, K.R. (2023). Open Journal of Soil Science, 13, 490–515.

<https://doi.org/10.4236/ojss.2023.1311023>

(16) Tổng quan và phân tích: Số phận của arsen được sử dụng trên thảm thực vật dọc tuyến hàng hải của kênh đào và trên khuôn viên các căn cứ quân sự Hoa Kỳ tại Khu vực Kênh đào Panama.

Olson, K.R. (2023). Open Journal of Soil Science, 13, 391–413.

<https://doi.org/10.4236/ojss.2023.1310018>

(17) Agent Blue: Một loại vũ khí hóa học quân sự và môi trường bí mật được sử dụng nhằm cắt nguồn lương thực tại miền Nam Việt Nam trong cuộc chiến tranh Việt Nam giai đoạn 1962–1965.

Olson, K.R. (2023). Open Journal of Soil Science, 13, 151–186.

<https://doi.org/10.4236/ojss.2023.133007>

(18) Việc sử dụng Agent Purple, Agent Orange và Agent Blue tại các vành đai căn cứ của Không quân Hoàng gia Thái Lan trong thời kỳ Chiến tranh Việt Nam.

Olson, K.R. and Cihacek, L. (2023). Open Journal of Soil Science, 13, 233–261.
<https://doi.org/10.4236/ojss.2023.135010>

(19) Tổng quan và phân tích: Các cuộc chiến bí mật của Hoa Kỳ tại Campuchia — tác động và hậu quả lâu dài.

Olson, K.R. and Speidel, D.R. (2023). Open Journal of Soil Science, 13, 295–328.
<https://doi.org/10.4236/ojss.2023.137013>

(20) Làng Vĩnh Mốc, nằm gần Khu phi quân sự Việt Nam, đã bảo vệ người dân của mình khỏi các cuộc ném bom của Không quân Hoa Kỳ trong Chiến tranh Việt Nam như thế nào?

Olson K.R. (2023). Open Journal of Soil Science. 2023;13:1–27.
<https://doi.org/10.4236/ojss.2023.131001>

(21) Cuộc chiến bí mật của Hoa Kỳ tại Lào: Những tác động môi trường lâu dài do việc sử dụng vũ khí hóa học.

Olson, K.R. and Speidel, D.R. (2023). Open Journal of Soil Science, 13, 199–232.
<https://doi.org/10.4236/ojss.2023.134009>

(22) Tổng quan và phân tích: Bom chùm và vật liệu chưa nổ của Hoa Kỳ còn lại tại Lào sau Chiến tranh Đông Dương lần thứ hai.

Olson, K.R. (2023). Open Journal of Soil Science, 13, 355–369.
<https://doi.org/10.4236/ojss.2023.138016>

(23) Tổng quan và phân tích: Đánh giá tác động và hậu quả của việc sử dụng các chất diệt cỏ nông nghiệp như vũ khí hóa học quân sự trong Chiến tranh Đông Dương lần thứ hai.

Speidel, D.R. and Olson, K.R. (2024). Open Journal of Soil Science, 14, 471–498.
<https://doi.org/10.4236/ojss.2024.148025>

(24) Những di sản độc hại bí mật của chiến tranh hóa học: Việc sử dụng Agent Blue trong Chiến tranh Đông Dương lần thứ hai và Chiến tranh Việt Nam tại Lào, Campuchia và Việt Nam (1961–1971).

Olson, K.R. (2024). Open Journal of Soil Science, 14, 689–725.
<https://doi.org/10.4236/ojss.2024.1411034>

(25) Bài học lịch sử: Những tác động đối với môi trường và con người do Hoa Kỳ sử dụng bom chùm trong Chiến tranh Đông Dương lần thứ hai.

Olson, K.R. (2025). Open Journal of Soil Science, 15, 1–21.
<https://doi.org/10.4236/ojss.2025.151001>

(26) Tổng quan và phân tích: Tác động đối với môi trường và sức khỏe con người từ các nghiên cứu về việc sử dụng chất diệt cỏ trong Chiến tranh Việt Nam và những bài học lịch sử.

Olson, K.R., Cihacek, L. and Speidel, D.R. (2025). Open Journal of Soil Science, 15, 103–135.

<https://doi.org/10.4236/ojss.2025.152006>

(27) Tổng quan và phân tích: Agent Blue, chất diệt cỏ có nền arsen được sử dụng trong Chiến tranh Đông Dương lần thứ hai và Chiến tranh Việt Nam nhằm phá hủy cây lúa.

Olson, K.R. (2025). Open Journal of Soil Science, 15, 320–360.

<https://doi.org/10.4236/ojss.2025.155015>

(28) Việc sử dụng các đường hầm trong đất trong chiến tranh thời trung cổ và hiện đại.

Olson, K.R. and Chernyanskii, S.S. (2026). Scientific Research Publishing. 137 pp. ISBN 979-8-89507-684-2; 979-8-89507-685-9.

<https://www.scirp.org/book/detailedinfoofabook?bookid=3198>

(29) Agent Orange: Tác động đối với môi trường và sức khỏe con người do việc sử dụng chất diệt cỏ trong và sau Chiến tranh Việt Nam.

Olson, K.R. and Tornoe, D. (2025). Amazon and Kindle Books. 501 pp. ISBN-13: 979-8273007970.

(30) Tác động đối với môi trường và sức khỏe con người do việc sử dụng chất diệt cỏ Agent Blue trong Chiến tranh Việt Nam.

Olson, K.R. (2026). Scientific Research Publishing. 677 pp.

DOI: <https://doi.org/10.4236/9798895073191>

ISBN 979-8-89507-652-1; 979-8-89507-653-8.

(31) Các không gian địa lý của chiến tranh hóa học tại Việt Nam: Merry Band of Retirees.

Higgins, B.R. (2024). Open Journal of Soil Science, 14, 530–536.

<https://doi.org/10.4236/ojss.2024.149027>

3.2 Một số công trình nghiên cứu đang tiếp tục của các thành viên và cộng tác viên: Praha 2026

(32) Đánh giá dự báo nguy cơ sức khỏe môi trường đối với các hoạt động quân sự: Phòng ngừa những hậu quả lâu dài đối với sức khỏe con người.

Speidel DR. Pollution and Diseases. 2026.

<https://doi.org/10.66659/c73dey61>

(33) Vượt ra ngoài viện trợ nhân đạo: Phục hồi và tái thiết đất bị ô nhiễm, nguồn nước bị suy thoái và sinh kế của nông dân sau chiến tranh và xung đột.

Morton LW. Pollution and Diseases. 2026.

<https://doi.org/10.66659/7zjfnd46>

(34) Sự phân biệt giữa mục đích chiến thuật và thương mại: 2,4,5-T, TCDD và việc công nhận những tổn hại sức khỏe liên quan đến chiến tranh tại Khu vực Kênh đào Panama.

Tornoe D. Pollution and Diseases. 2026.

<https://pollution-diseases-ojs.org/index.php/pd/article/view/33>

(35) Những biến đổi kỹ thuật của hệ thống kênh đào New York và các hệ quả lâu dài đối với môi trường và sức khỏe cộng đồng.

Olson KR. Pollution and Diseases. 2026.

<https://doi.org/10.66659/ywg2pw58>

(36) Tác động đối với môi trường và sức khỏe con người do hoạt động sản xuất Agent Orange đối với các sông Tittabawassee, Saginaw và Kanawha ở miền Đông Hoa Kỳ.

Olson KR. Pollution and Diseases. 2026.

<https://doi.org/10.66659/mj4n5f63>

(37) Chiến tranh, đất và các hệ thống nước ngọt – 2026: Tổng quan hội nghị.

Pollution and Diseases. Praha, Cộng hòa Séc, 15–17 tháng 10 năm 2026.

<https://pollution-diseases-ojs.org/index.php/pd/prague-2026>

4.0 Từ một ủy ban của những người đã nghỉ hưu đến một mạng lưới nghiên cứu tiếp tục

Giai đoạn tổ chức đầu tiên của Merry Band of Vietnam War Era Retirees về cơ bản đã hoàn thành với việc công bố loạt bài báo về chiến tranh và đất cùng ba cuốn sách về các đường hầm trong đất, Agent Orange và Agent Blue.

Do đó, cơ cấu ủy ban được thành lập để hỗ trợ, kiểm chứng thông tin, xem xét và phổ biến các công trình này không còn cần thiết phải tiếp tục tồn tại dưới đúng hình thức ban đầu.

Tuy nhiên, việc hoàn thành giai đoạn đầu tiên không đồng nghĩa với việc chấm dứt các câu hỏi nghiên cứu hoặc các mối quan hệ khoa học được hình thành trong quá trình thực hiện dự án.

Một số thành viên và cộng tác viên liên quan đến danh mục nghiên cứu của Merry Band tiếp tục nghiên cứu các vấn đề môi trường liên quan đến chiến tranh, bao gồm ô nhiễm đất và nước ngọt, các hậu quả lâu dài đối với sức khỏe con người, phục hồi môi trường, phơi nhiễm của cựu binh, phục hồi nông nghiệp và phòng ngừa những thiệt hại môi trường tương tự trong các cuộc xung đột tương lai.

Mạng lưới vì thế ngày càng ít mang tính chất của một ủy ban chính thức và ngày càng trở thành một tập hợp các mối quan hệ khoa học tiếp tục hoạt động.

Vai trò tiếp tục này thể hiện đặc biệt rõ tại hội nghị quốc tế War, Soil, and Freshwater Systems, dự kiến được tổ chức tại Praha, Cộng hòa Séc, từ ngày 15 đến ngày 17 tháng 10 năm 2026 (37).

Một số nhà nghiên cứu có liên hệ với danh mục công trình của Merry Band đang đóng góp các bài báo hội nghị và tham gia vào các thảo luận khoa học tại sự kiện này.

David R. Speidel đã mở rộng những bài học rút ra từ các trường hợp ô nhiễm quân sự trong lịch sử sang hướng đánh giá dự báo nguy cơ sức khỏe môi trường đối với các hoạt động quân sự trong tương lai (32).

Công trình hiện tại của ông đặt ra câu hỏi liệu những kiến thức từ độc chất học môi trường, các con đường phơi nhiễm và những tác động sức khỏe lâu dài có thể được tích hợp vào quá trình lập kế hoạch quân sự ngay từ trước khi các hậu quả đối với môi trường và sức khỏe con người trở nên không thể đảo ngược hay không.

Lois Wright Morton đã chuyển trọng tâm thảo luận từ việc ghi nhận thiệt hại do chiến tranh sang phục hồi và tái thiết sau xung đột (33).

Công trình hiện tại của bà đề cập đến đất bị ô nhiễm, nguồn nước bị suy thoái, sinh kế của nông dân, an ninh lương thực và dinh dưỡng, cũng như vai trò của nông dân như những đối tác chủ động trong quá trình tái thiết các cảnh quan nông nghiệp bị chiến tranh tàn phá.

Donna Tornoe tiếp tục nghiên cứu về phơi nhiễm chất diệt cỏ và việc công nhận các tổn hại sức khỏe liên quan đến chiến tranh tại Khu vực Kênh đào Panama.

Một vấn đề quan trọng trong công trình của bà là sự phân biệt giữa 2,4,5-T được sử dụng cho mục đích chiến thuật và 2,4,5-T được sử dụng cho mục đích thương mại, cũng như sự phơi nhiễm liên quan đến TCDD (34).

Các công trình hội nghị năm 2026 của riêng tôi tiếp tục nghiên cứu các khía cạnh công nghiệp và hệ thống sông liên quan đến quá trình sản xuất và ô nhiễm Agent Orange tại Hoa Kỳ, đồng thời xem xét lịch sử dài hạn của các tuyến đường thủy được cải biến bằng kỹ thuật như những con đường vận chuyển và lan truyền ô nhiễm công nghiệp (35, 36).

Những dự án này khác với các nghiên cứu ban đầu của Merry Band ở một điểm quan trọng.

Phần lớn các công trình trước đây của chúng tôi tập trung vào việc tái dựng những gì đã xảy ra trong và sau Chiến tranh Việt Nam và Chiến tranh Đông Dương lần thứ hai.

Các nghiên cứu hiện nay ngày càng đặt ra câu hỏi: Có thể học được điều gì từ lịch sử đó để phục vụ khoa học môi trường trong hiện tại và tương lai?

Đây là một sự chuyển đổi từ ghi nhận và tái dựng sự kiện sang dự báo, phòng ngừa, phục hồi và nâng cao khả năng nhận diện khoa học đối với những thiệt hại môi trường liên quan đến chiến tranh.

Theo nghĩa này, Merry Band không đơn giản biến mất khi giai đoạn tổ chức đầu tiên hoàn thành.

Ủy ban đã phát triển thành một mạng lưới nghiên cứu rộng hơn.

Chiến tranh Việt Nam vẫn là một trường hợp lịch sử quan trọng, nhưng không còn là đối tượng nghiên cứu duy nhất.

Những kiến thức được tích lũy qua các công trình về Việt Nam, Lào, Campuchia, Thái Lan, Panama, Hoa Kỳ và Canada hiện đang được đưa vào thảo luận cùng các nhà nghiên cứu quan tâm đến các cuộc xung đột đương đại, phục hồi nông nghiệp sau xung đột, những hình thức ô nhiễm quân sự mới, suy thoái các hệ thống nước ngọt, nguy cơ sức khỏe môi trường và phục hồi môi trường lâu dài.

Merry Band ban đầu được thành lập để giúp một nhóm nhỏ các nhà nghiên cứu khảo sát những câu hỏi khó, vốn không dễ phù hợp với các cơ cấu tổ chức truyền thống.

Giai đoạn tiếp theo có tính chất khác.

Những câu hỏi đó giờ đây đang trở thành một phần của cuộc thảo luận khoa học quốc tế rộng lớn hơn.

5.0 Thảo luận: Những chủ đề đang nổi lên

Khi nhìn lại sáng kiến nghiên cứu này và phân tích của Higgins (31), có thể nhận thấy một số chủ đề quan trọng.

Trước hết, các nghiên cứu về chiến tranh hóa học thường liên quan đến những hồ sơ từng được xếp loại mật, các tài liệu chính phủ bị phân tán hoặc không đầy đủ, cũng như các bằng chứng nằm rải rác giữa nhiều cơ quan và nhiều quốc gia.

Vì vậy, ủy ban cần có những người có khả năng đánh giá các chi tiết khoa học, hồ sơ quân sự, quy trình thể chế, các vấn đề đạo đức, pháp luật và chiến lược xuất bản.

Việc đánh giá nội bộ của nhóm không thay thế cho quy trình phản biện khoa học chính thức của tạp chí.

Tuy nhiên, nó tạo thêm một lớp kiểm chứng dữ kiện và xem xét liên ngành trước khi bản thảo bước vào quy trình xuất bản chính thức.

Công việc này cũng đòi hỏi phải xây dựng mối liên hệ với các nhà khoa học chuyên ngành, các chuyên gia khu vực, cựu binh và các chuyên gia quân sự.

Những mối quan hệ đó hỗ trợ hợp tác thực địa, diễn giải các tài liệu lịch sử, công tác hậu cần, phổ biến kết quả tại địa phương và đánh giá những giới hạn thực tế của nghiên cứu trong các bối cảnh nhạy cảm về chính trị.

Do đó, giá trị của mạng lưới không chỉ nằm ở số lượng người tham gia, mà còn ở sự kết hợp của nhiều loại kinh nghiệm và chuyên môn khác nhau cùng được đưa vào giải quyết những câu hỏi môi trường chung.

Một chủ đề khác là nỗ lực kết nối nghiên cứu môi trường với các vấn đề liên quan đến cựu binh và sức khỏe cộng đồng.

Các bài báo về Agent Blue đã thu hút sự quan tâm của các bác sĩ lâm sàng và các nhà nghiên cứu y khoa, trong đó có những nhà nghiên cứu liên quan đến Walter Reed, đồng thời góp phần mở rộng thảo luận về phơi nhiễm asen và dioxin trong cộng đồng cựu quân nhân thời kỳ Chiến tranh Việt Nam.

Tuy nhiên, mối quan hệ chính xác giữa các công trình của Merry Band và bất kỳ chính sách chính thức nào của Bộ Cựu chiến binh Hoa Kỳ về xét nghiệm hoặc quyền lợi cần phải được chứng minh bằng hồ sơ hành chính, thay vì chỉ suy ra từ trình tự thời gian của các sự kiện.

Ngay cả với lưu ý đó, nỗ lực lâu dài của nhóm nhằm làm cho các vấn đề phơi nhiễm trở nên rõ ràng hơn trong thảo luận khoa học vẫn cho thấy cam kết của nhóm đối với các cựu binh, dân thường và những nhóm dân cư khác bị ảnh hưởng bởi hóa chất sử dụng trong chiến tranh.

Việc sử dụng Agent Blue để phá hủy lúa và các loại cây lương thực khác tại miền Nam Việt Nam cũng tiếp tục đặt ra những câu hỏi về pháp lý, lịch sử, đạo đức và môi trường (30).

Các nghiên cứu của Merry Band tự bản thân chúng không giải quyết dứt điểm những tranh luận này.

Tuy nhiên, chúng bổ sung các bằng chứng khoa học về hành vi lâu dài của asen trong môi trường, hậu quả môi trường của các chương trình phá hủy cây lương thực và tầm quan trọng của việc tái dựng những gì các nhà hoạch định chính sách đã biết, cũng như cách các mục tiêu quân sự được ghi nhận và truyền đạt.

Một nguyên tắc nhất quán của nhóm là: những người bị phơi nhiễm với các hóa chất này xứng đáng nhận được sự quan tâm khoa học, bất kể quốc tịch của họ.

Nguyên tắc đó vẫn còn nguyên giá trị khi nghiên cứu chuyển từ việc tái dựng lịch sử sang việc xem xét các cuộc xung đột hiện tại và tương lai.

Câu chuyện này cuối cùng có thể cần được trình bày dưới dạng một công trình tài liệu rộng hơn.

Tuy nhiên, nghĩa vụ đầu tiên vẫn là xây dựng một hồ sơ khoa học có thể kiểm chứng được.

6.0 Kết luận: Công việc vẫn tiếp tục

Ý nghĩa lâu dài của Merry Band có thể không chỉ nằm ở 30 công trình được xem xét trong bài viết này.

Nhóm cũng đã xây dựng một mô hình thực tiễn cho nghiên cứu liên ngành độc lập đối với những vấn đề môi trường khó khăn cả về mặt chính trị lẫn khoa học.

Các cựu binh, nhà khoa học đất, nhà nghiên cứu nông nghiệp, chuyên gia y tế, chuyên gia truyền thông và những chuyên gia khác đã đóng góp những dạng tri thức khác nhau để cùng giải quyết một vấn đề chung.

Mô hình đó vẫn còn giá trị.

Nghiên cứu môi trường liên quan đến chiến tranh hiện đang mở rộng vượt ra ngoài việc tái dựng lịch sử ô nhiễm thời kỳ Chiến tranh Việt Nam, hướng tới phân tích các cuộc xung đột đang diễn ra, phục hồi sau xung đột, đánh giá dự báo nguy cơ sức khỏe môi trường và phòng ngừa những thiệt hại môi trường trong tương lai.

Hội nghị Praha 2026 tạo cơ hội kết nối những kinh nghiệm được tích lũy thông qua Merry Band với một cộng đồng khoa học quốc tế rộng lớn hơn đang cùng nghiên cứu những vấn đề này.

Vì vậy, lịch sử được trình bày trong bài viết này vẫn chưa kết thúc.

Ủy ban ban đầu đã hoàn thành giai đoạn đầu tiên trong sứ mệnh của mình, nhưng những câu hỏi khoa học đã dẫn đến sự hình thành của nhóm vẫn tiếp tục tồn tại và phát triển.

Theo nghĩa đó, giai đoạn tiếp theo không phải là phần kết của Merry Band.

Đó là sự khởi đầu của một chương trình nghiên cứu rộng hơn ở một cấp độ mới.

Xung đột lợi ích

Tác giả tuyên bố không có xung đột lợi ích liên quan đến việc công bố bài báo này.

Lời cảm ơn

Danh mục nghiên cứu được mô tả trong bài viết này đã được thực hiện với sự hỗ trợ, xem xét và tham gia của mạng lưới nghiên cứu Merry Band of Vietnam War Era Retirees.

Nhóm bao gồm các cựu binh Chiến tranh Việt Nam, các cựu quân nhân thuộc thời kỳ Chiến tranh Việt Nam, các cựu quân nhân Lục quân Hoa Kỳ, các giáo sư thuộc các trường đại học nông nghiệp, cùng các cố vấn bổ sung trong lĩnh vực y tế, truyền thông và pháp lý.

Chúng tôi cũng xin ghi nhận và cảm ơn những người bạn, đồng nghiệp và sinh viên Việt Nam, các cộng đồng cựu binh, các nhà lưu trữ và những cộng tác viên khác vì những trao đổi khoa học, hỗ trợ thực địa, kiến thức lịch sử và tình đồng nghiệp trong suốt nhiều năm.

Các nghiên cứu tiếp tục được mô tả trong Phần 4 phản ánh công việc của từng thành viên và cộng tác viên riêng lẻ và không nên được hiểu là đòi hỏi phải duy trì một cơ cấu ủy ban chính thức liên tục.

Nguồn tài trợ

Không có nguồn tài trợ bên ngoài nào được nhận để chuẩn bị bài tổng quan này.

Danh mục nghiên cứu được mô tả trong bài viết phần lớn được các thành viên và cộng tác viên tự tài trợ.

Chuyến thăm Việt Nam năm 2022 của tác giả trong khuôn khổ chương trình Fulbright Specialist được Chương trình Fulbright hỗ trợ, như đã trình bày trong nội dung bài viết.

Tuyên bố về khả năng tiếp cận dữ liệu

Không có bộ dữ liệu mới nào được tạo ra cho bài tổng quan này.

Các công trình được thảo luận trong danh mục nghiên cứu được xác định tại các Phần 3.1 và 3.2 và có thể truy cập thông qua các tạp chí, DOI và liên kết sách được liệt kê.

¹ Tác giả liên hệ: krolson@illinois.edu